

Bản án số: 57/2018

Ngày: 14/11/2018

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.
2. Ông Luông Văn Thắng.

-Thư ký phiên tòa: Trương Văn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên toà số 34/2018/QĐHPTST-HNGĐ ngày 17/10/2018; của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1986.

HKTT: Tổ 05, ấp HG, thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Địa chỉ: Tổ 05, ấp HG, thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.(Chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1981.

HKTT: Số 68 TrP, tổ 7, kp 3, thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Số 68 Tr P, tổ 7, kp 3, thị trấn Ngải Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.(anh L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian thì chị H và anh L tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Ngải Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 04/01/2016 trên tinh thần tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến tháng 7 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, anh L ngoại tình, bỏ bê vợ con (lúc này chị H đã có thai) cụ thể lúc 23h ngày 15 tháng 12 năm 2017 anh L có dẫn bạn gái về nhà lúc đó có cả mẹ chồng và em chồng chứng kiến. Sau đó vào lúc 19h ngày 28/12/2017 anh L lại bỏ đi cùng với cô bạn gái, lúc đó em chồng và mẹ chồng giữa anh L lại nhưng anh L vẫn dứt khoát đẩy chị H và mẹ chồng, em chồng ra để đi theo cô bạn gái, thời điểm đó có nhiều người cùng chứng kiến. Đến ngày 07/01/2018 thì anh L lại nói dối đi Long An làm, nhưng sau đó cô bạn gái anh L dùng điện thoại của anh L điện thoại cho chị H biết hai người đi với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án anh L có yêu cầu được 15 ngày để hàn gắn lại hạnh phúc nhưng trong thời gian trên anh L không có động thái nào để hàn gắn tình cảm, anh L chỉ nhắn tin, đến thăm con đúng 01 lần và đồng ý ly hôn. Trong thời gian này cô bạn gái của anh L dùng điện thoại của anh L liên lạc với chị H bốn lần làm phiền và có ý trách móc chị H sao chị H không giải thoát cho anh L. Nay chị H mất hết lòng tin với anh L, và nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H xin được ly hôn với anh Hoàng Văn L.

Về nuôi con chung: Chị H và anh L có 01 người con chung là cháu Hoàng Thị Ngọc T, sinh ngày 24-02- 2018 hiện tại chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Nay chị H có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu T, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn L, trình bày: Anh L và chị Nguyễn Thị Ngọc H sau một thời gian tìm hiểu thì đi đến tổ chức lễ cưới, và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngải Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu vào ngày 04/01/2016 trên tinh thần tự nguyện. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến tháng 6/2017 thì nảy sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã là do anh L không chung thủy với chị H. Tại phiên hòa giải ngày 16/7/2018 anh L có nguyện vọng yêu cầu có 15 ngày để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Trong khoản thời gian này anh L thừa nhận không có động thái nào để vợ chồng hàn gắn lại tình cảm, giữa anh L và chị H chỉ nhắn tin qua lại cho nhau nên không được đạt kết quả. Nay dù vợ chồng không thể hàn gắn lại tình cảm nhưng vì anh L nghĩ đến tương lai của con nên không đồng ý ly hôn. Nay L đề nghị Tòa án giải theo yêu cầu xin ly hôn đơn phương của chị H.

Về nuôi con chung: Có 01 người con chung là cháu Hoàng Thị Ngọc T, sinh ngày 24-02- 2018. Nay ly hôn anh L đồng ý giao cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc giao dục anh L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Thị Ngọc T, sinh ngày 24-02- 2018 cho chị H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H và anh L không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị H và anh L sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay chị H yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh L là thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị H và anh L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh L trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 01 năm 2016 tại UBND thị trấn

Ngãi Giao, huyện Huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Trong quá trình chung sống đến tháng 6/2017 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, anh L ngoại tình, bỏ bê vợ con (lúc này chị H đã có thai). Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng chị H không đồng ý đoàn tụ vì tình cảm vợ chồng không còn. Tại phiên hòa giải ngày 16/7/2018 anh L thừa nhận việc chị H trình bày là đúng nhưng yêu cầu Tòa án để anh L có thời gian 15 ngày để hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Việc này chị H cũng đồng ý. Nhưng trong thời gian trên anh L cũng không có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mà trong thời gian này anh L chỉ nhắn tin cho chị H và chỉ đến thăm con 01 lần được 30 phút thì về nên không đạt được kết quả. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh L ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn với anh L.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh L có 01 người con chung là Hoàng Thị Ngọc T, sinh ngày 24-02- 2018. Chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tâm không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L cũng đồng ý.

Xét yêu cầu thấy từ khi vợ chồng ly thân thì cháu T sống với chị H. Đến nay cháu vẫn phát triển bình thường, mặt khác cháu chưa tròn một tuổi cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng cháu trong thời gian con nhỏ, anh L chấp nhận giao con cho chị H nuôi dưỡng do đó để đời sống của cháu không bị xáo trộn nghĩ nên ghi nhận sự thỏa thuận của vợ chồng giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Hoàng Văn L.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Hoàng Văn L có 01 người con chung là Hoàng Thị Ngọc T, sinh ngày 24-02- 2018.

Giao con chung Hoàng Thị Ngọc T, sinh ngày 24-02- 2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu anh Hoàng Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hoàng Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0002876 ngày 04 tháng 7 năm 2018; Chị Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14-11-2018), do chị Nguyễn Thị Ngọc H anh Hoàng Văn L vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi gửi:

- TAND Tỉnh BR- VT;
- VKSND H.CĐ;
- Các đương sự;
- THADS H.CĐ;
- UBND TT Ngã Giao;
- lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÀO TRỌNG HẢI

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa